

Số: 41 /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 23 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện,
tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch,
đề án khuyến công địa phương**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2717/TTr-SCT ngày 29 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 3074/SCT-QLCN ngày 16/7/2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương

trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, ngành: Công Thương, Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *AN*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công thương (Vụ pháp chế, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^{BT}. *AN*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Hòa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 46/2012/TT-BCT quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Nghề nhân nhân dân, nghề nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn (sau đây viết tắt là Chương trình) là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công thực hiện trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn (05 năm) được Ủy ban nhân dân tỉnh

phê duyệt nhằm khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững trong công nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động tại địa phương.

2. Kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm (sau đây viết tắt là Kế hoạch) là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công địa phương giai đoạn. Kế hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Đề án khuyến công địa phương (sau đây viết tắt là Đề án khuyến công) là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công trong Chương trình. Đề án khuyến công có mục tiêu, nội dung và đối tượng thụ hưởng, có thời gian thực hiện và kinh phí xác định.

4. Tổ chức dịch vụ khuyến công là Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công tỉnh (gồm: Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương; Đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc Sở Công Thương nhưng có chức năng, nhiệm vụ về khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định) và các tổ chức có chức năng, nhiệm vụ hoặc năng lực phù hợp để triển khai thực hiện nhiệm vụ khuyến công.

5. Đơn vị thực hiện đề án là các Tổ chức dịch vụ khuyến công lập Đề án khuyến công và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

6. Đơn vị phối hợp là tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác triển khai thực hiện Đề án khuyến công.

7. Đơn vị thụ hưởng là các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai Đề án khuyến công.

Chương II

QUY TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Quy trình xây dựng Kế hoạch khuyến công địa phương và tổ chức thực hiện

1. Xây dựng dự toán kinh phí

a) Hằng năm, Sở Công Thương gửi văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây viết tắt là cấp xã) và cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh đăng ký kế hoạch kinh phí khuyến công của năm sau.

b) Các đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quy định này, có nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã (qua Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) hoặc Tổ chức dịch vụ khuyến công.

Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức dịch vụ khuyến công tổng hợp đăng ký của các đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quy định này trên địa bàn gửi Sở Công Thương; đồng thời gửi Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công tỉnh.

Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công tỉnh tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công địa bàn tỉnh và bổ sung thêm nhiệm vụ của đơn vị gửi Sở Công Thương.

c) Căn cứ Chương trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; căn cứ chế độ, định mức chi tiêu hiện hành, Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công tỉnh xây dựng dự toán kinh phí khuyến công gửi Sở Công Thương để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách.

2. Căn cứ dự toán kinh phí được giao, Tổ chức dịch vụ khuyến công chủ trì rà soát, hướng dẫn các đơn vị thụ hưởng hoàn thiện, bổ sung hồ sơ đề nghị hỗ trợ; xây dựng Đề án khuyến công theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này, gửi Sở Công Thương thẩm định.

3. Trên cơ sở hồ sơ Đề án khuyến công đề nghị hỗ trợ của Đơn vị thực hiện đề án, Sở Công Thương quyết định thành lập Tổ thẩm định để tổ chức thẩm định các Đề án khuyến công. Trong quá trình thẩm định, Sở Công Thương lấy ý kiến Sở Tài chính và Sở, ngành có liên quan (nếu cần thiết) đối với các Đề án khuyến công.

4. Căn cứ kết quả thẩm định Đề án khuyến công, Sở Công Thương tổng hợp thành Kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch, Sở Công Thương ký hợp đồng với Đơn vị thực hiện đề án đối với Đề án khuyến công được phê duyệt trong Kế hoạch để triển khai thực hiện nội dung được hỗ trợ; thông báo bằng văn bản đối với Đề án khuyến công không được phê duyệt trong Kế hoạch. Đơn vị thực hiện đề án phối hợp với các cơ sở công nghiệp nông thôn và tổ chức, cá nhân khác có liên quan (nếu có) triển khai thực hiện các Đề án khuyến công theo đúng quy định.

Điều 5. Nguyên tắc lập Đề án khuyến công

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp của tỉnh.

2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; phù hợp mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh quy định tại Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Phù hợp với Chương trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Nội dung cơ bản Đề án khuyến công

Đề án khuyến công có những nội dung chính sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.
2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.
3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.
4. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.
5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.
6. Dự toán kinh phí: Xác định tổng chi phí cho Đề án, trong đó phân rõ cơ cấu nguồn kinh phí khuyến công hỗ trợ; kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng; nguồn khác (nếu có).
7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.
8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

Chương III

TẠM ỨNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ VÀ QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG

Điều 7. Nguyên tắc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí khuyến công

1. Việc tạm ứng, thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí phải căn cứ vào hợp đồng thực hiện Đề án khuyến công, phù hợp với tiến độ thực hiện Đề án khuyến công, đảm bảo quy định của pháp luật về sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định tại Quy định này.
2. Việc mua bán hàng hóa, dịch vụ cho các hợp đồng phục vụ các hoạt động khuyến công thực hiện theo Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong việc sử dụng kinh phí đều phải có chứng từ hợp pháp theo quy định, tuân thủ chế độ tài chính hiện hành.
4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng chế độ, quyết toán kinh phí đã sử dụng với cơ quan có thẩm quyền; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán và những khoản thu, chi, hạch toán, quyết toán sai chế độ.
5. Các tổ chức, cá nhân phải hoàn trả nộp ngân sách nhà nước đối với

phần kinh phí đã tạm ứng nhưng không có khối lượng thanh toán, những khoản kinh phí đã sử dụng nhưng không được quyết toán theo chế độ quy định.

Điều 8. Tạm ứng kinh phí

1. Việc tạm ứng kinh phí khuyến công được áp dụng theo các quy định tại Điều 13, Điều 14 Chương III Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCT.

2. Trường hợp hợp đồng thực hiện Đề án khuyến công không quy định về tạm ứng thì thực hiện thanh toán một lần sau khi đề án hoàn thành, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Điều 9. Chứng từ chi

Chứng từ chi là toàn bộ chứng từ thanh toán gồm phiếu chi hoặc ủy nhiệm chi hoặc giấy đề nghị thanh toán tạm ứng và chứng từ gốc của từng nội dung chi theo quy định hiện hành, theo quy định cụ thể tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.

Điều 10. Thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí

1. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu Đề án khuyến công cuối cùng trong năm kế hoạch, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định nhưng không được chậm quá thời gian theo thông báo của Kho bạc Nhà nước.

2. Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện Đề án khuyến công vì lý do bất khả kháng, việc thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc đã thực hiện và khối lượng được nghiệm thu. Hồ sơ để thanh lý, quyết toán hợp đồng trong trường hợp này gồm văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đề án, chứng từ chi cho khối lượng công việc đã thực hiện và biên bản nghiệm thu.

Điều 11. Quản lý Chương trình, Kế hoạch, Đề án khuyến công

1. Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công từ ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành luật và các quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC.

2. Sở Công Thương xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình, Kế hoạch; thẩm định, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và thanh quyết toán đề án, nhiệm vụ khuyến công.

3. Tổ chức dịch vụ khuyến công có trách nhiệm hướng dẫn về nội dung,

thành phần hồ sơ đăng ký Đề án khuyến công; xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Công Thương

Là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Chương trình, Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Lập dự toán kinh phí khuyến công phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách địa phương.

c) Chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, Đề án khuyến công đảm bảo phù hợp với Chương trình, Kế hoạch đã được phê duyệt.

d) Theo dõi, giám sát, kiểm tra định kỳ, đột xuất đơn vị thực hiện Đề án khuyến công.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành.

e) Là đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động khuyến công của địa phương.

2. Sở Tài chính

a) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, trên cơ sở dự toán của Sở Công Thương, tổng hợp kinh phí khuyến công báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Tham gia ý kiến bằng văn bản về dự toán kinh phí thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công theo đề nghị của Sở Công Thương.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với Sở Công Thương xây dựng Chương trình và Kế hoạch.

b) Chỉ đạo Phòng Kinh tế/phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tuyên truyền, phối hợp với Đơn vị thực hiện đề án hướng dẫn các đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quy định này trên địa bàn có nhu cầu đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương hoàn thiện hồ sơ đăng ký Kế hoạch; xem xét lựa chọn, lập danh sách các nội dung và tổng hợp dự toán kinh phí khuyến công gửi Sở Công Thương; phối hợp với Sở Công Thương theo dõi, giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện đề án khuyến công trên địa bàn.

4. Tổ chức dịch vụ khuyến công

- a) Phối hợp xây dựng Chương trình và Kế hoạch.
- b) Huy động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, tài trợ kinh phí khuyến công.
- c) Là đơn vị trực tiếp thực hiện Đề án khuyến công, có trách nhiệm hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị được hỗ trợ từ kinh phí khuyến công; tiếp nhận, tổng hợp xây dựng Đề án khuyến công trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- d) Tổ chức triển khai thực hiện Đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; sử dụng kinh phí có hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.
- đ) Hằng tháng, quý, năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện các Đề án khuyến công với Sở Công Thương; thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành.
- e) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Đề án khuyến công.
- g) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về Đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

5. Đơn vị thụ hưởng

- a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ; phối hợp với Đơn vị thực hiện đề án báo cáo kết quả sau khi thực hiện Đề án khuyến công. Trong trường hợp không thể thực hiện được Đề án khuyến công, phương án đã nêu trong hồ sơ, phải hoàn trả lại khoản kinh phí hỗ trợ đã nhận.
- b) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án khuyến công.
- c) Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu về Đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ, phối hợp chặt chẽ với Sở Công Thương trong việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh. Trường hợp sử dụng sai mục đích, làm thất thoát kinh phí, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.